

Số: /QĐ-UBND

Tp. Thanh Hoá, ngày tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Tây Bắc cầu Quán Nam, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số: 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật xây dựng: số 50/2014/QH12 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số: 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số: 04/2008/QĐ-BXD ngày 3/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số: 3987/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số: 2745/QĐ-UBND ngày 26/08/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (nay là quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu đô thị Nam thành phố Thanh Hoá;

Căn cứ Công văn số: 12161/UBND-CN ngày 11/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá về chủ trương lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Tây Bắc cầu Quán Nam, thành phố Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số: 4008/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của UBND thành phố Thanh Hoá phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán khảo sát lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Tây Bắc cầu Quán Nam, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số: 6635 /SXD-PTĐT ngày 17/11/2016 của sở Xây dựng Thanh Hóa về việc thỏa thuận nội dung đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Tây Bắc cầu Quán Nam, thành phố Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số: 285/TTr-BQH ngày 23/11/2016 của Ban Quản lý các dự án Quy hoạch xây dựng thành phố về việc xin phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Tây Bắc cầu Quán Nam, thành phố Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Tây Bắc cầu Quán Nam, thành phố Thanh Hóa với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích khu vực lập quy hoạch chi tiết

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Quảng Thịnh và phường Quảng Thắng, Đông Vệ – Thành phố Thanh Hoá, có giới hạn như sau:

- + Phía Bắc giáp : đường Tây Nam 1 theo quy hoạch;
- + Phía Nam giáp : kênh Bắc;
- + Phía Đông giáp : QL 1A cũ (đường Quang Trung);
- + Phía Tây : giáp đường quy hoạch.

Theo QHCT 1/2000 khu đô thị Nam thành phố Thanh Hoá đã được phê duyệt thì khu đất có chức năng là đất công viên cây xanh thể thao, công trình công cộng , công trình hỗn hợp và dân cư.

2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính:

2.1. Dân số: Khoảng 1.600 người(bao gồm: Dân cư hiện trạng và dự kiến dân cư mới)

2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất:

Các chỉ tiêu đất đai tính toán theo quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết 1/2000 khu đô thị Nam thành phố Thanh Hoá đã được duyệt và các tiêu chuẩn đô thị loại I.

- Đất đơn vị ở:	61 m ² /người
Trong đó: + Đất ở:	28 m ² /người
+ Đất cây xanh:	7 m ² /người
+ Đất công cộng:	5 m ² /người
+ Đất giao thông:	21m ² /người

2.3. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật;

- Cấp điện:
 - + Nhà chia lô: 2KW/hộ.
 - + Công trình có điều hòa: 30KW/m² sàn.
 - + Cây xanh, TDDT : 10KW/ha.
- Cấp nước: 180 lít/người/ngđ; Cấp nước cho công trình công cộng bằng 10% nước cấp cho sinh hoạt; tỷ lệ dân được cấp nước 100%.
- Thoát nước: 180 lít/người/ngđ. Thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.
- Rác thải: 1,3 kg/người/ngđ; Tỷ lệ thu gom 100% và vận chuyển về khu xử lý rác chung của thành phố và vùng phụ cận.

3. Tính chất chức năng

Là khu công viên cây xanh – TĐTT; các công trình dịch vụ hỗn hợp, công trình công cộng; các khu ở dân cư tái định cư, khu dân cư mới và hệ thống HTXH, HTKT kèm theo.

4. Cơ cấu sử dụng đất

Stt	CHỨC NĂNG	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	TÀNG CAO TB	MẬT ĐỘ XD (%)	HỆ SỐ SDD	TỶ LỆ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU		520.000,00				100
1	Đất ở		61.256,66				11,78
1.1	Đất ở hiện trạng	HT	40.824,28	2-5	100	5,0	7,85
	+ Đất ở hiện trạng 01	HT-01	24.559,47	2-5	100	5,0	-
	+ Đất ở hiện trạng 02	HT-02	2.037,03	2-5	100	5,0	-
	+ Đất ở hiện trạng 03	HT-03	5.208,91	2-5	100	5,0	-
	+ Đất ở hiện trạng 04	HT-04	4.408,73	2-5	100	5,0	-
	+ Đất ở hiện trạng 05	HT-05	4.610,14	2-5	100	5,0	-
1.2	Đất ở liên kế	LK	20.432,38	3-5	80	4,0	3,93
	+ Đất ở liên kế 01	LK-01	1.858,06	3-5	80	4,0	-
	+ Đất ở liên kế 02	LK-02	3.872,00	3-5	80	4,0	-
	+ Đất ở liên kế 03	LK-03	3.692,00	3-5	80	4,0	-
	+ Đất ở liên kế 04	LK-04	2.163,23	3-5	80	4,0	-
	+ Đất ở liên kế 05	LK-05	4.798,55	3-5	80	4,0	-
	+ Đất ở liên kế 06	LK-06	4.048,54	3-5	80	4,0	-
2	Đất công cộng		458.743,34				88,22
2,1	Đất y tế	YT	80.032,37	3-9	50	3,5	15,39
	+ Đất xây dựng bệnh viện	YT	80.032,37	3-9	50	3,5	-
2,2	Đất Dịch vụ - Thương mại	DV-TM	11.046,40	6-10	40	4	2,12
	+ Đất Dịch vụ - Thương mại 01	DV-TM-01	11.046,40	6-10	40	4	2,12
2,3	Đất cây xanh	CX	6.346,39	-	-	-	1,22
	+ Đất cây xanh 01	CX-01	3.039,06	-	-	-	-
	+ Đất cây xanh 02	CX-02	3.307,33	-	-	-	-
2,4	Đất công viên cây xanh - TĐTT	CX-TĐTT	248.042,22	1	10	0,1	47,70
	+ Đất quảng trường	QT	20.504,19	1	5	0,05	
	+ Đất TĐTT	TĐTT	42.917,22	1	15	0,15	-
	+ Đất cây xanh công viên	CXCV	54.340,71	1	5	0,05	-
	+ Bãi đỗ xe 01	BĐX-01	9.449,00	-	-	-	-
	+ Mặt nước	MN	120.831,10	-	-	-	-
2,5	Đất giao thông	GT	113.275,96	-	-	-	21,78

5. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị:

5.1. Giải pháp phân bố quỹ đất

*/ Đất công viên, cây xanh mặt nước

Trung tâm của khu đất bố trí lõi không gian cây xanh - mặt nước theo quy hoạch 1/2000 đã duyệt. Tận dụng tối đa các yếu tố cây xanh mặt nước đã có trong khu vực như: các ao hồ, các vùng thấp trũng để nạo vét, đào đắp nhằm hình thành

các khu công viên cây xanh, mặt nước phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi giải trí của cộng đồng, kết hợp vui chơi giải trí, thể dục, thể thao cho người dân đô thị. Đồng thời tạo hồ điều hòa nhằm cải tạo môi trường, cải tạo khí hậu, hướng tới xây dựng đô thị xanh, đô thị phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.

Diện tích đất công viên cây xanh trung tâm là: 248.042,22 m², trong đó:

- Đất quảng trường : 20.504,19 m²
- Đất TDTT : 42.917,22 m²
- Đất cây xanh công viên: 54.340,71 m²
- Bãi đỗ xe khu vực : 9.449,00 m²
- Mặt nước : 120.831,10 m²

*/ Đất ở

+ *Đất ở hiện trạng cải tạo: 40.824,28 m²*

Bố cục, tổ chức quy hoạch trên cơ sở tôn trọng tối đa hiện trạng HTKT và HTXH với phương châm nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nhằm nâng cao chất lượng sống cho các khu dân cư này, đáp ứng với yêu cầu phát triển của đô thị loại I. Hệ thống THKT của khu dân cư hiện hữu được bố trí đầu nối thuận lợi tiếp cận với hệ thống HTKT theo quy hoạch mới.

+ *Đất ở liên kế: 20.432,38 m²*

Được bố trí tại phía Tây các hộ dân cư hiện có dọc tuyến đường Quang Trung và phía Tây khu dân cư hiện có phía Đông Bắc lô đất lập quy hoạch. Đây là quỹ đất dùng để tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng do thực hiện dự án theo quy hoạch; Phần đất ở còn lại sau khi đã bố trí đủ quỹ đất tái định cư được khai thác, phát triển dân cư mới.

*/ Đất công trình công cộng:

-*Đất công trình y tế:*

Trong khu vực lập quy hoạch cập nhật ranh giới đất xây dựng bệnh viện Ung bướu của tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch. Diện tích cập nhật: 80,032.37 m².

- *Đất công trình thương mại dịch vụ:*

Bố trí quỹ đất để xây dựng 01 trung tâm thương mại của khu vực lập quy hoạch nhằm phục vụ cho dân cư khu vực và các công trình của tổ chức, doanh nghiệp lân cận. Diện tích 11.046,40 m².

*/ Đất giao thông: Diện tích 113.275,96 m².

6. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị

6.1. Bố cục không gian kiến trúc toàn khu:

Khu vực nghiên cứu thiết kế nằm trong tổng thể của 1 khu đô thị hoàn chỉnh được đầu tư xây dựng, vì vậy không gian cảnh quan chung cần được liên hệ chặt chẽ với các khu chức năng kề cận.

Tuân thủ các quan điểm tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, các lô phố, các công trình kiến trúc ưu tiên bố trí với hướng chính quay về hướng Tây Bắc - Đông Nam và tận dụng tối đa quay ra mặt hồ, vì vậy các công trình kiến trúc cụ thể tránh được sự ảnh hưởng của thời tiết vào mùa hè và tạo không gian cảnh quan cho khu vực, cũng như tăng giá trị sử dụng đất.

6.2. Quy định về kiến trúc đô thị:

Khu vực các công trình công cộng lựa chọn hình thức kiến trúc hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc, phù hợp với tính chất công năng sử dụng của công trình và hài hoà với khung cảnh chung, tạo điểm nhấn cảnh quan như cửa ngõ của khu vực.

6.3. Quy định về hạ tầng kỹ thuật:

Cốt nền của các khu vực thiết kế đảm bảo thoát nước, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác và không ảnh hưởng các công trình lân cận và dân cư hiện hữu trong và tiếp giáp với ranh giới của đồ án quy hoạch.

San lấp mặt bằng theo yêu cầu thực tế mỗi khu vực, khai thác triệt để địa hình thiên nhiên, hạn chế tối đa việc san lấp.

6.4. Quy định về vệ sinh môi trường, cây xanh:

- Các khu vực nhóm ở đều có hệ thống thu gom rác thiết kế thuận lợi, bố trí trên các đường nhánh và gần các mối giao cắt đường đô thị.

- Cây xanh trong khu công viên lựa chọn trồng các chủng loại cây trang trí, cây xanh bóng mát tạo cảnh quan môi trường sinh thái, phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng của khu vực.

- Cây xanh đô thị được trồng trên các tuyến phố phải lựa chọn cây xanh đồng nhất về chủng loại, chiều cao có đường kính thân cây $\geq 0,05\text{m}$; phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng của khu vực.

6.5. Quy định về quản lý xây dựng:

Các công trình thuộc khu trung tâm chỉ được xây dựng khi có dự án đầu tư và qui hoạch mặt bằng xây dựng được cấp có thẩm quyền được phê duyệt trên cơ sở qui hoạch chi tiết và hoàn tất các thủ tục đầu tư xây dựng theo luật định.

7. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch giao thông:

- Hệ thống đường giao thông trong khu vực quy hoạch là các tuyến đường bao quanh các cụm công trình đã phân khu theo quy hoạch có mặt cắt lòng đường $\geq 7,5\text{m}$. Khớp nối mạng đường khu vực dự án với mạng đường hiện hữu và các dự án lân cận.

- Hệ thống mạng lưới giao thông trong khu vực quy hoạch tuân theo quy hoạch chi tiết khu đô thị Nam thành phố đã được duyệt.

- Mạng đường giao thông nội bộ được bố trí theo dạng hỗn hợp tạo nên sự chính, phụ, đa dạng các mảng xanh cho công viên.

- Hệ thống giao thông gồm :

- Giao thông đối ngoại :

+ Mặt cắt A-A: Quốc Lộ 1A: Lộ giới: 36,0m; Lòng đường: 10,5mx2; Phân cách: 1m; Hè đường: 7,0m x2;

+ Mặt cắt B-B: Lộ giới: 24,0m; Lòng đường: 12,0m; Hè đường: 6,0m x 2;

- Giao thông nội khu:

+ Mặt cắt 1-1 : Lộ giới: 38,0m; Mặt đường: 10,0mx2 = 20m; Giải phân cách: 8,0m; Hè đường: 5mx2;

+ Mặt cắt 2-2: Lộ giới: 19,50m; Mặt đường: 3,750mx2 = 7,50m; Hè đường 6,0mx2;

+ Mặt cắt 2'-2': Lộ giới: 17,50m; Mặt đường: 3,750mx2 = 7,50m; Hè đường 5,0mx2;

+ Mặt cắt 3-3: Lộ giới: 20,5m; Mặt đường: 3,750mx2 = 7,50m; Hè đường 5mx2;

+ Mặt cắt 3'-3': Lộ giới: 13,5m; Mặt đường: 3,750mx2 = 7,50m; Hè đường 3mx2;

- Đường dạo:

+ Mặt cắt 4-4 : 21m; giải phân cách 5m ; lòng đường 5mx2.

+ Mặt cắt 5-5 : đường dạo quanh hồ kết hợp bờ kè : chiều rộng từ 2-7m

+ Mặt cắt của một số đường dạo trong công viên chiều rộng từ 2 - 9m.

- Giao thông tĩnh (Bãi đỗ xe): bố trí kết hợp với cây xanh công viên.

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật san nền:

Cao độ, hướng dốc nền san phù hợp với quy hoạch 1/2000 về hướng thoát nước mặt, phân chia lưu vực, cao độ thủy văn. Nền xây dựng các khu vực mới phải gắn kết với khu vực cũ, đảm bảo thoát nước mặt tốt, đảm bảo chiều cao nền phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan đô thị mới.

Giải pháp thiết kế là san nền dốc từ trong lô đất ra các tuyến đường chạy bao quanh với độ dốc san nền nhỏ nhất: $i = 0,0\%$. Hướng dốc chung của toàn bộ khu vực theo hướng Đông Bắc xuống Tây Nam và hướng Bắc xuống Nam .

Cao độ san nền được lựa chọn trên cơ sở của QH phân khu đã được phê duyệt và dân cư hiện hữu trong và ngoài ranh giới của đề án để thiết kế đảm bảo độ dốc, hướng dốc và đầu nối với tiêu thoát nước, HTKT cho dự án và khu vực lân cận.

Cao độ san nền cao nhất : + 4,30m

Cao độ san nền thấp nhất : + 3,50m

7.3. Quy hoạch Chuẩn bị kỹ thuật thoát nước mưa:

Quy hoạch hệ thống công thoát nước độc lập. Theo đó hướng thoát nước chính của khu vực là hướng thoát ra hồ điều hòa trong khu vực công viên và ra kênh Bắc.

Thoát nước mưa ra Kênh Bắc qua các công D1000, riêng công nối giữa hồ cảnh quan và kênh Bắc có tác dụng xả nước mưa ra kênh Bắc cũng như có tác dụng điều hòa nước giữa Hồ cảnh quan và kênh Bắc.

Hệ thống thoát nước sử dụng công tròn bê tông cốt thép có đường kính D600 ~ D1000. Độ dốc dọc công lấy tối thiểu là $1/D$ và độ sâu chôn công ban đầu $H \geq 0,7m$. Giếng thu kiểu trực tiếp có khoảng cách 40-60m.

Hệ thống thoát nước đảm bảo đầy đủ, đồng bộ từ tuyến thoát nước đến ga thu, giếng thăm đúng các yêu cầu kỹ thuật.

Công cho thoát nước mưa dùng loại công tròn đúc sẵn có tải trọng C bằng phương pháp ly tâm. Toàn bộ tuyến công đặt trên gôi đỡ.

Ga thu nước mưa kết hợp với giếng thăm sử dụng BTCT có cửa thu theo kiểu thu nước mặt đường có lưới chắn rác bằng gang.

7.4. Quy hoạch cấp nước:

Nhu cầu dùng nước: Tổng nhu cầu dùng nước khoảng: $1.645 m^3/ng.đêm$.
(Được tính toán cho toàn khu: Đất thương mại, đất chia lô, đất y tế, đất công viên, nước chữa cháy...)

Nguồn nước cấp cho khu đô thị được lấy từ hệ thống cấp nước sạch của thành phố (đường ống cấp nước D300 trên đường Quang Trung)

Ống dùng ống nhựa HDPE đảm bảo chịu được áp lực. Chiều sâu chôn ống cấp nước chính $h_{min} = 0,3 \div 0,7$ m so với mặt hè (tính đến đỉnh ống lần lượt là tuyến ống cấp II và dịch vụ).

Tại các vị trí đầu nổi tuyến ống dịch vụ bố trí các hố van kích thước 50cm x 50cm x 80cm thuận tiện cho việc khai thác và quản lý.

Các trụ cứu hoả ngoài nhà chọn loại nổi D110, khoảng cách mỗi trụ cứu hoả $100 \div 150$ m/ trụ.

7.5. Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng đô thị:

Tổng nhu cầu cấp điện: 4.500 KVA;

Nguồn điện cấp cho toàn khu được lấy nguồn từ đường điện 22KV hiện có. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện của công trình cần xây dựng mới 03 trạm biến áp có tổng công suất 4.850KVA, bao gồm:

+ TBA 01: CS 1250KVA: cung cấp điện cho đất thương mại dịch vụ và đất ở dân cư mới.

+ TBA 02: CS: 400KVA: cung cấp điện cho điện chiếu sáng và công viên.

+ TBA 03: CS: 3200KVA: Cung cấp cho bệnh viện Ung Bướu(cập nhật theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 bệnh viện Ung Bướu Tỉnh Thanh Hoá đã được phê duyệt).

Di chuyển tuyến điện 22KV đi qua khu đất lập quy hoạch vào đúng vị trí theo quy hoạch. Tuyến điện trung áp 22KV này dự kiến đi nổi để phù hợp với tuyến điện hiện có.

Tuyến điện trung áp xây dựng mới cấp điện cho các trạm biến áp 22/0.4kv được thiết kế đi ngầm.Xây dựng mới các tuyến cáp hạ thế từ tủ điện hạ thế máy biến áp cấp điện cho các công trình được chôn ngầm đất.

Điện chiếu sáng ngoài nhà được điều khiển bằng tủ điều khiển trọn bộ lắp đặt tại trạm biến áp. Đèn chiếu sáng lắp trên cột thép bát giác 10m và dùng đèn trang trí.

7.6. Quy hoạch thoát nước thải, vệ sinh môi trường:

a. Quy hoạch thoát nước thải:

Tổng lượng nước thải được tính bằng 100% tổng lượng nước cung cấp cho khu vực lập quy hoạch: $1.645 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$

Hệ thống thoát nước thải của khu vực được xây dựng độc lập để đảm bảo tiêu chuẩn là một khu Đô thị hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển của đô thị.

Nước thải trong các hộ dân cư và các công trình công cộng sau khi được xử lý sẽ thu gom vào hệ thống cống nhánh, dẫn vào hệ thống cống chính phía tây của khu vực và được đưa về trạm xử lý nước thải. Riêng nước thải của Bệnh viện phải được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng trước khi được đưa vào hệ thống thu gom của khu vực. Cống thoát nước thải sử dụng cống tròn bê tông cốt thép tùy vào các đối tượng thoát và tính chất của tuyến cống thoát nước.

Trên tuyến cống thoát nước bố trí các hố ga thăm vào vị trí phù hợp để xử lý sự cố, khoảng cách hố ga theo tiêu chuẩn thoát nước, trung bình khoảng 20 – 30m/hố. Hố ga được thiết kế đảm bảo kỹ thuật, ngăn mùi.

Thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, thiết kế riêng so với hệ thống thoát nước mưa, độ dốc thiết kế đủ lớn sao cho tốc độ chảy trong cống tăng khả năng tự làm sạch.

b. Giải pháp bảo vệ môi trường:

Chỉ tiêu thu gom chất thải rắn: 100%.

Trong các nhóm ở phải thiết kế các vị trí thu gom rác hàng ngày trước khi công ty môi trường đô thị thu gom chuyển đến bãi xử lý rác thải của toàn đô thị.

Trên trục phố chính khu trung tâm thương mại, khu vực bến xe công cộng nghiên cứu bố trí các khu WC công cộng hoặc vệ sinh lưu động.

Đối với rác thải của bệnh viện Ung Bướu: Rác thải y tế phải được xử lý theo đúng quy trình xử lý. Rác thải sinh hoạt được tập kết bên trong bệnh viện theo tổng mặt bằng phê duyệt và được thu gom đến bãi rác.

Việc xử lý rác thải diễn ra tại khu vực bãi rác của thành phố, trong khu vực chủ yếu chỉ làm công tác thu gom rác thải.

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý các dự án Quy hoạch xây dựng thành phố:

- Trong quá trình triển khai dự án, Ban phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát lại các phần đất tiếp giáp giữa khu dân cư hiện hữu với đất quy hoạch mới trong việc sử dụng đất của các hộ hiện hữu giáp ranh với dự án; đấu nối hạ tầng kỹ thuật giữa khu hiện hữu và quy hoạch mới đảm bảo các yếu tố về: cấp, thoát nước; giao thông nhằm tính khả thi của dự án.

- Phối hợp với các phòng ban, ban chức năng và các phường, xã thuộc khu vực lập quy hoạch tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện;

- Hoàn chỉnh hồ sơ gửi phòng Quản lý đô thị kiểm tra, đóng dấu thẩm định; đóng dấu cơ quan phê duyệt;

- Lưu trữ hồ sơ quy hoạch được duyệt để xây dựng Trung tâm dữ liệu Quy hoạch.

2. Phòng Quản lý đô thị

- Kiểm tra, đóng dấu thẩm định hồ sơ quy hoạch được duyệt;

- Có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch được duyệt và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng HĐND - UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban quản lý các dự án Quy hoạch xây dựng thành phố; Chủ tịch UBND xã Quảng Thịnh, Chủ tịch UBND phường Đông Vệ, Chủ tịch UBND phường Quảng Thắng, và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Sở Xây dựng Thanh Hóa;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- - Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đào Trọng Quy